TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Minh
2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- ***Thư ký phiên toà**:* Ông Trần Thanh Chương - thư ký Toà án nhân tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐSXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị **Bùi Thị Tr**, sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay:*, tỉnh Y, thành phố I, Nhật Bản.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Bùi Thị Tr: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997

Địa chỉ thường trú: thôn T, xã V, huyện S, TP Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: số *, đường P, TDP V, phường M, Quận L, TP Hà Nội.

2. *Bị đơn*: anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(chị Tr, anh T và anh Nguyễn Ngọc T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/02/2024 nguyên đơn chị Bùi Thị Tr trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, tháng 7/2022 chị đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu chị vẫn thường xuyên liên lạc với anh Nguyễn Ngọc T để hỏi thăm sức khoẻ, việc học tập của các con; tuy nhiên sau đó do khoảng cách địa lý, nhiều mâu thuẫn không giải quyết được nên từ tháng 10/2023 hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục cố gắng duy trì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của đôi bên nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Ngọc T có hai con chung là Nguyễn Thuỳ Tr, sinh ngày 28/02/2012 và Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 13/01/2019. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T góp tiền cấp dưỡng nuôi con, hiện chị không ở Việt Nam nên chị sẽ uỷ quyền cho bố mẹ đẻ chị là ông Bùi Viết H và bà Bùi Thị R trực tiếp chăm sóc các con thay chị.

Về tài sản chung: không có, về nợ chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và uỷ quyền cho anh Nguyễn Văn T nhận thay các văn bản tố tụng để thông báo lại cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: về thời gian kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn như chị Tr khai, theo anh quá trình chung sống anh và chị Tr xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không giải quyết được, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về kinh tế, không có sự quan tâm đến nhau, hiện chị Tr đã cắt liên lạc với anh. Anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Tr cương quyết ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh và chị Tr có hai con chung như chị Tr khai, cả hai con đang ở với anh, do chị Tr đang ở nước ngoài nên nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Tr góp tiền cấp dưỡng

nuôi con; khi nào chị Tr về nước cháu Tr muốn ở cùng với chị Tr anh cũng nhất trí. Con chung Nguyễn Thuỳ Tr có nguyện vọng được ở với chị Tr.

Về tài sản và nợ chung: không có. Anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện Thái Thuỵ về quá trình chung sống, thời điểm kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn như các đương sự trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T. Giao hai con chung cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Ngọc T về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các đương sự đều khai không có, về nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Chị Bùi Thị Tr đang ở Nhật Bản khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Các đương sự đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Tr và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái Thuỵ là quan hệ hôn nhân hợp

pháp. Cả hai anh chị đều xác định quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không giải quyết được, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau, anh Nguyễn Ngọc T không nhất trí ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Điều đó chứng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị Tr được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

[5] Về quan hệ con chung: mặc dù cháu Nguyễn Thuỳ Tr có nguyện vọng ở cùng chị Tr song hiện nay chị Tr không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các con đang có cuộc sống ổn định nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T giao hai con chung cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Ngọc T về việc không yêu cầu chị Tr góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quan hệ tài sản chung: các đương sự đều khai không có. Về nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.**Về quan hệ hôn nhân**: xử cho chị Bùi Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2.**Về quan hệ con chung**: giao hai con chung Nguyễn Thuỳ Tr, sinh ngày 28/02/2012 và Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 13/01/2019 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Ngọc T về việc không

yêu cầu chị Tr góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Tr có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Tr và anh Nguyễn Ngọc T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. **Về tài sản chung**: không có, về nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí**: chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000129 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị Tr đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo**: các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ